

Bản án số: 262/2023/HS-ST

Ngày: 06/6/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Huân

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hậu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Văn Hề
- Bà Bùi Ngọc Anh
- Bà Lê Thị Bích Dung

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lưu Quốc Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Nguyệt và ông Châu Hoàng Sơn - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 06/6/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số A đường N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 159/2023/HSST ngày 06/3/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2115/2023/QĐXXST-HS ngày 12/5/2023 đối với các bị cáo:

1.Họ và tên: Huỳnh Anh Quốc B; sinh ngày 09/11/2001 tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: nam; nơi đăng ký thường trú: ấp T, xã P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: 6 N, Phường F, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 11/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Huỳnh Anh K và bà Nguyễn Thị Kim L; chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: không;

Bắt, tạm giữ: 19/10/2021;

Tạm giam: 28/10/2021;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2.Họ và tên: Nguyễn Hồ Hồng P; sinh ngày 23/6/2003 tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: nam; nơi đăng ký thường trú: 204 Lô B chung cư L, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: B chung cư L, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không;

trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: lao động tự do; cha: không rõ; họ tên mẹ: Nguyễn Thị Thái Q; chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: không;

Bắt, tạm giữ: 18/10/2021;

Tạm giam: 28/10/2021;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo B: Ông Lu Quang V, luật sư của Công ty L3, Đoàn luật sư Thành phố H; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo P: Ông Nguyễn Trung C, luật sư Công ty L4, Đoàn luật sư Thành phố H; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đoàn Thị Thanh N; sinh ngày 13/11/1957; nơi đăng ký thường trú: 9 Đ, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt;

2. Ông Hồ Văn D; sinh năm 1974; nơi đăng ký thường trú: 204 Lô B, chung cư L, Phường A, Quận C; nơi cư trú: 551/119/33/12 Tổ E, Khu phố E, đường L, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 40 phút ngày 18/10/2021, ở tại trước nhà số H, đường Số A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, Công an quận B phát hiện bắt quả tang Nguyễn Hồ Hồng P ngồi sau xe máy biển số 59F2-246.59 do Trần Nguyễn An K1 điều khiển có hành vi cất giữ trái phép chất ma túy để bán. Qua kiểm tra, lực lượng công an thu giữ trên tay của P 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, qua giám định xác định được là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 478,95g loại Ketamine.

Trong cùng ngày 18/10/2022, khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Hồ Hồng P tại nhà số B C, đường L, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, cơ quan công an thu giữ một số vật chứng, cụ thể như sau: Ở tầng 1 có 01 túi da bên trong có 28 gói nylon chứa tinh thể không màu, qua giám định xác định được là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng là 3,5035g loại Methamphetamine.

Mở rộng điều tra, vào lúc 11 giờ 45 phút ngày 18/10/2021, tại trước nhà số B B, Phường F, quận T, Công an quận B kiểm tra phát hiện và thu giữ trên móc xe máy biển số 59X2-047.47 do Huỳnh A Quốc Bảo đang điều khiển có:

-01 gói nylon chứa tinh thể không màu, qua giám định xác định được là ma túy ở thể rắn, khối lượng 93,5050g loại Ketamine;

-01 gói nylon chứa tinh thể không màu, qua giám định qua giám định xác định được là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 10,0633g loại Ketamine, M;

-01 gói nylon chứa 50 viên nén màu xanh, qua giám định xác định được là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng là 27,6266g loại Ketamine, MDMA, Diazepam.

-01 gói nylon chứa 10 viên nén màu xám, qua giám định xác định được là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng là 5,0589g loại Ketamine, MDMA, Diazepam.

Số ma túy thu giữ nêu trên đã được giám định và xác định theo Bản Kết luận giám định số 5660/KLGD-MT ngày 25/10/2021 của Phòng K2 - Công an T2 (bl.16).

Tại Cơ quan điều tra, B và P khai như sau:

Ngày 17/10/2021, M1 (không rõ lai lịch) gọi đến số điện thoại 077.507.6769 của B hỏi mua 0,5kg Ketamine với giá 330.000.000đ. Sau đó, B gọi điện cho T (không rõ lai lịch) mua 0,5kg Ketamine với giá 310.000.000đ để bán lại cho M1.

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 17/10/2021, B rủ P đến chân cầu H, quận B để mua ma túy bán lại kiếm lời. Tại đây, theo hướng dẫn của B, P nhận gói ma túy của một người không rõ lai lịch mang về nhà cất giấu để bán cho M1, còn B ở lại để thanh toán tiền. B hứa sẽ trả tiền công cho P là 5.000.000đ. Khoảng 9 giờ 00 phút ngày 18/10/2021, P cất giấu ma túy vào bao gạo để mang đi bán cho M1. P rủ anh Trần Nguyễn An K1 cùng đi nhưng không cho K1 biết là đi giao ma túy mà nói là đi giao gạo. Trên đường đi thì P bị phát hiện và bị bắt giữ như đã nêu ở phần trên.

Đối với số ma túy thu giữ trên móc xe máy của B, B khai như sau: B mua của H (không rõ lai lịch) vào ngày 21/9/2021 với giá 26.000.000đ ở khu vực Quận A, với mục đích bán lại cho người khác để kiếm lời.

Đối với số ma túy thu giữ khi khám xét nhà của P, P khai như sau: P mua của T1 (không rõ lai lịch) vào ngày 17/10/2021 tại khu vực công viên L với giá 1.000.000đ, mục đích để sử dụng cho bản thân và bán lại cho người khác để kiếm lời.

Trần Nguyễn An K1 khai phù hợp với lời khai của P. K1 khai không biết và không liên quan đến việc mua bán ma túy của P và B. Kết quả xét nghiệm, K1 dương tính với chất ma túy nên Cơ quan điều tra đã chuyển cho Công an quận B để xử phạt hành chính theo quy định.

Kết quả xác minh, xác định: Vào lúc 19 giờ 07 phút ngày 17/10/2021, Huỳnh Anh Quốc B đã chuyển 310.000.000đ từ tài khoản 7241117 của B mở tại Ngân hàng TMCP Á (A1) đến tài khoản 0000156789 mang tên Đoàn Thị Thanh N (sinh ngày 13/11/1957; HKTT: 95/154 Đ, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh) tại Ngân hàng TMCP S1.

Bà Đoàn Thị Thanh N khai: Bà N được L1 (là người mà bà N cho thuê ở trọ, không rõ lai lịch) nhờ đứng tên mở tài khoản ngân hàng. Bà N không quản lý, sử dụng tài khoản đã nêu; bà N cũng không biết, không liên quan đến việc mua bán ma túy của B và đối tượng T.

Đối với M1, T và những đối tượng liên quan khác: B và P khai không rõ nhân thân lai lịch của các đối tượng này nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh làm rõ để xử lý.

Vật chứng:

Ngoài số vật chứng là ma túy thu giữ như đã nêu ở phần trên, cơ quan điều tra còn thu giữ được một số vật chứng liên quan như sau:

Thu của B: 01 điện thoại hiệu Iphone; nhiều bịch nylon chưa sử dụng; 01 xe máy hai bánh hiệu Honda mang biển số 59X2-047.47.

Thu của P: 01 điện thoại di động hiệu Samsung; 01 gói nylon in chữ CHINESE PIN WEI; 01 bao gạo; 01 túi da màu đen; 01 xe máy 02 bánh hiệu Honda mang biển số 59F2-246.59; 230.000đ.

Tại bản Cáo trạng số 105/CT-VKSTPHCM-P1 ngày 22/02/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật hình sự).

Tại phiên tòa,

Bị cáo P khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu và khẳng định những nội dung đã khai là đúng sự thật.

Bị cáo B thay đổi lời khai, cụ thể như sau: B khai không biết khối lượng ma túy mà P bị thu giữ là ở đâu mà P có, B không mua bán ma túy với T và M1. Số tiền 310.000.000đ mà B chuyển khoản đến tài khoản mang tên Đoàn Thị Thanh N là tiền bị cáo trả nợ cho T, việc chuyển vào tài khoản vừa nêu là thực hiện theo yêu cầu của T. Tại cơ quan điều tra, bị cáo khai nhận mua ma túy của T là do bị ép cung. Bị cáo P khai là không đúng sự thật. Còn 01 gói nylon chứa khoảng 10g tinh thể không màu thu giữ của bị cáo là của H đã giao nhằm cho bị cáo khi bị cáo mua ma túy của H. Khi mang về nhà, bị cáo thử bằng cách đốt và ngâm vào nước nên biết không phải là ma túy nhưng không biết tại sao Cơ quan điều tra lại kết luận là ma túy. Đối với khối lượng ma túy còn lại, bị cáo mua của H với mục đích để sử dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Ông D trình bày ý kiến như sau: Bà ngoại của bị cáo P là chị ruột của ông D. Chiếc xe Honda Wave mang biển số 59F2-246.59 thuộc quyền sở hữu của ông D. Năm 2020, ông D cho P mượn xe để sử dụng, ông D không biết P sử dụng xe làm phương tiện phạm tội. Ông D yêu cầu được nhận lại xe.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội như sau:

Căn cứ lời khai của bị cáo, kết quả giám định, các tài liệu, chứng cứ thu thập được, có đủ cơ sở để xác định truy tố của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân

Thành phố Hồ Chí Minh là đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử kết án các bị cáo theo toàn bộ nội dung Cáo trạng.

Áp dụng điểm h khoản 4 và khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Huỳnh A Quốc Bảo 20 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, phạt bổ sung 30.000.000đ.

Áp dụng điểm h khoản 4 và khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hồ Hồng P 20 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, phạt bổ sung 20.000.000đ.

Trả lại xe máy 59X2-246.59 cho ông D, xử lý các vật chứng còn lại theo quy định của pháp luật.

Luật sư V bào chữa cho bị cáo B như sau: B không thừa nhận việc mua bán khối lượng ma túy mà Cơ quan công an bắt quả tang thu giữ của P. Số tiền 310.000.000đ mà B chuyển đến tài khoản của bà N cũng không ghi là tiền mua ma túy nên không đủ căn cứ để quy kết B mua bán khối lượng ma túy thu giữ của P khi bắt quả tang. Cơ quan điều tra cũng chưa làm rõ số tiền vừa nêu đã được chuyển đi đâu, ai nhận. Do vậy, cần hoàn trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để điều tra làm rõ những nội dung vừa nêu.

Bị cáo B đồng ý với ý kiến bào chữa của luật sư V.

Luật sư C bào chữa cho bị cáo P như sau: Bị cáo phạm tội lần đầu do hoàn cảnh khó khăn, chịu áp lực phải kiếm tiền giúp mẹ và các em; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khi phạm tội mới 18 tuổi 04 tháng nên nhận thức có phần hạn chế; trong quá trình điều tra đã tích cực hợp tác với các cơ quan tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; mặt khác, bị cáo chỉ là đồng phạm có vai trò thứ yếu. Viện kiểm sát đề nghị áp dụng mức án 20 năm tù đối với P là quá nặng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s và t khoản 1, khoản 2 Điều và Điều 54 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo P, cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất mà Viện kiểm sát đã đề nghị.

Bị cáo P đồng ý với ý kiến bào chữa của luật sư C, không bào chữa bổ sung mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử khoan hồng.

Kiểm sát viên tranh luận như sau:

Đối với nội dung bào chữa của luật sư V: Việc bị cáo B khai trình bị ép cung, dùng nhục hình là không có căn cứ. Trong quá trình điều tra, bị cáo B khai nhận mua ma túy của T để bán cho M1, lời khai nhận tội của bị cáo B là phù hợp với lời khai của P và các tài liệu thu giữ. Ma túy thu giữ của B được niêm phong và giám định theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy, Cáo trạng truy tố đối với B là đúng pháp luật. Trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã xác định B đã chuyển 310.000.000đ đến tài khoản của bà N; bà N thì khai trình mở tài khoản giúp 01 người tên L1. Hiện tiền vẫn trong tài khoản mang tên bà N. Do vậy, việc luật sư V đề nghị trả hồ sơ để điều tra về nội dung này là không có căn cứ.

Đối với nội dung bào chữa của luật sư C: Mức án đề nghị đối với P là mức án thấp nhất trong khung hình phạt. Khối lượng ma túy mà P tham gia mua bán là gần gấp đôi so với khối lượng ma túy quy định là tình tiết định khung tại khoản 4 Điều 251. Bị cáo khai báo thành khẩn nên được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ nên không có căn cứ để áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát giữ nguyên mức án đề nghị đối với P.

Luật sư C tranh luận với Kiểm sát viên như sau:

Bị cáo P có nhiều tình tiết giảm nhẹ, chỉ là đồng phạm, người giữ vai trò thứ yếu. Lời khai của bị cáo P là căn cứ quan trọng để buộc tội B nên bị cáo phải được áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát đề nghị áp dụng mức án 20 năm tù đối với P - bằng với mức án đề nghị đối với B - là không phù hợp, không thể hiện có sự phân hóa tội phạm một cách rõ ràng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s và t khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo P, cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất mà Viện kiểm sát đã đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, luật sư bào chữa, các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Anh Quốc B khiếu nại cho rằng trong quá trình điều tra, bị cáo bị điều tra viên ép cung và đánh. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, có kiểm sát viên và luật sư bào chữa tham gia bị cáo đã không có khiếu nại gì về nội dung này, tại phiên tòa bị cáo mới nêu ra và cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do vậy, khiếu nại của bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận. Những nội dung bị cáo đã khai trình tại cơ quan điều tra được xác định là chứng cứ để giải quyết vụ án.

[2].Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả giám định, lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của bị cáo P tại phiên tòa, có căn cứ để xác định:

Vì động cơ vụ lợi, các bị cáo Huỳnh Anh Quốc B và Nguyễn Hồ Hồng P đã có hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Các bị cáo mua ma túy của những người không rõ lai lịch và bán lại cho những người không rõ lai lịch.

Vào ngày 18/10/2021, Cơ quan công an đã bắt quả tang, thu giữ được 478,95g Ketamine, đây là khối lượng ma túy mà B và P cùng nhau mua bán. Ngoài ra, cơ quan điều tra còn thu giữ được ma túy của từng bị cáo cất giữ để bán cho người khác (không liên quan đến bị cáo còn lại), cụ thể:

-Thu giữ của P: 3,5035g Methamphetamine;

-Thu giữ của B: 93,5050g Ketamine; 10,0633g hỗn hợp Ketamine và Methamphetamine; 32,6855g hỗn hợp Ketamine và MDMA và Diazepam.

[3].Về những ý kiến, nội dung bào chữa của luật sư Lư Quang V và bị cáo Huỳnh A Quốc Bảo tại phiên tòa:

Bị cáo khai rằng bị cáo không nghiện ma túy mà chỉ chơi ma túy một vài lần, bị cáo cất giữ ma túy là để sử dụng. Tuy nhiên, khi khám xét, cơ quan công an đã thu giữ trực tiếp của bị cáo hơn 130g ma túy với nhiều loại khác nhau, đây cũng là khối lượng ma túy tương đối lớn. Do vậy, việc bị cáo khai cất giữ ma túy để sử dụng là không có tính thuyết phục.

Việc thu giữ, giám định, kết luận về khối lượng ma túy, loại ma túy thu giữ của bị cáo được thực hiện đúng trình tự quy định. Do vậy, không có căn cứ để cho rằng kết quả giám định không khách quan.

Lời khai của bị cáo và bị cáo P trong quá trình điều tra là phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đó là xác định được bị cáo đã chuyển 310.000.000đ đến tài khoản của bà N; bị cáo và P có liên lạc với nhau qua điện thoại vào ngày 17/10/2021. Trong quá trình điều tra, khi đối chất với P, bị cáo cũng thừa nhận việc mua ma túy của T để bán cho M1. Bị cáo và P không có mâu thuẫn gì với nhau nên không có căn cứ để cho rằng P khai bất lợi cho bị cáo. Tại phiên tòa, bị cáo thay đổi lời khai so với nội dung đã khai tại cơ quan điều tra nhưng không nêu ra được lý do xác đáng nên không có cơ sở để xem xét.

Theo kết quả điều tra thì B đã chuyển 310.000.000đ đến tài khoản 0000156789 do bà Đoàn Thị Thanh N đứng tên mở Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1, số tiền vừa nêu vẫn còn trong tài khoản. Tài khoản này cũng đã được phong tỏa. Do vậy, việc luật sư V đề nghị trả hồ sơ điều tra làm rõ số tiền 310.000.000đ đã chuyển cho ai là không có căn cứ.

B khai rằng số tiền 310.000.000đ mà bị cáo chuyển đến tài khoản của bà N là chuyển tiền trả nợ cho T, T yêu cầu bị cáo chuyển vào tài khoản của bà N. Nội dung khai trình này là không thuyết phục, bởi lẽ: nếu chuyển tiền trả nợ thì theo thông lệ người chuyển sẽ ghi lý do chuyển tiền nhưng theo kết quả sao kê tài khoản mang tên bà N đã đề cập thì khi chuyển tiền, bị cáo không ghi nội dung, thể hiện có sự không minh bạch trong giao dịch; mặt khác, bị cáo thì lại khai trình rằng không biết lai lịch của T; đến nay, cũng không có ai yêu cầu được nhận số tiền vừa nêu. Do vậy, lời khai của B về nội dung đã nêu là không có tính thuyết phục.

[4].Theo quy định tại Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính Phủ thì M, Ketamine, MDMA và D1 là các chất ma túy độc hại. Ma túy (nói chung) là chất gây nghiện độc hại, việc sử dụng ma túy không chỉ gây thiệt hại về tài sản của gia đình, xã hội mà còn gây tổn hại đến chính sức khỏe, thậm chí là tính mạng của người sử dụng. Người thường xuyên sử dụng ma túy sẽ bị rối loạn nhân cách, không làm chủ được hành vi, là nguyên nhân dẫn tới nhiều loại tội

phạm nguy hiểm khác. Chính vì vậy, pháp luật của Nhà nước ta nghiêm cấm việc mua bán trái phép chất ma túy. Các bị cáo là những người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là sai trái bị luật pháp nghiêm cấm nhưng vì động cơ vụ lợi nên vẫn cố ý vi phạm, bất chấp hậu quả. Hành vi của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm, gây nguy hại đến trật tự, an toàn xã hội; xâm phạm hoạt động của Nhà nước trong việc quản lý và kiểm soát các chất ma túy.

[5]. Căn cứ vào các nhận định đã nêu, đối chiếu với các quy định của pháp luật, có đủ căn cứ kết luận các bị cáo đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự.

[6]. Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt cần áp dụng đối với các bị cáo:

Bị cáo P phải chịu trách nhiệm đối với việc mua bán 478,95g Ketamine và 3,5035g Methamphetamine.

Bị cáo B phải chịu trách nhiệm đối với việc mua bán 572,4550g Ketamine (trong đó có 478,95g Ketamine mua bán chung với P), 10,0633g hỗn hợp Ketamine và Methamphetamine; 32,6855g hỗn hợp Ketamine và MDMA và Diazepam.

Hành vi của các bị cáo có mức độ nguy hiểm đặc biệt lớn. Hành vi của B có mức độ nguy hiểm cao hơn so với P, bởi lẽ B mua bán khối lượng ma túy lớn hơn so với P; trong việc mua bán 478,95g Ketamine thì B là kẻ chủ mưu.

Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo B phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự. Do vậy, cần áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Bị cáo P phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; chưa có tiền án, tiền sự; khi phạm tội mới 18 tuổi 04 tháng, nhận thức về pháp luật có phần hạn chế. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã tích cực hợp tác với các cơ quan tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, thể hiện qua các nội dung: Ngoài việc khai nhận hành vi của mình, P đã khai ra B, tham gia đối chất với B, xác định B tham gia vào việc mua bán ma túy; tại phiên tòa, mặc dù B thay đổi lời khai, không thừa nhận việc mua bán ma túy nhưng P vẫn giữ lời khai ban đầu; lời khai của P là một trong những chứng cứ quan trọng để làm cơ sở buộc tội đối với B. Do vậy, cần áp dụng điểm s và t khoản 1, khoản 2 và Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo P.

Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; đặc điểm nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, cần áp dụng hình phạt tù tương xứng đối với từng bị cáo; riêng đối với bị cáo B cần phạt bổ sung một khoản tiền nhất định để có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Bị cáo P có nhiều tình tiết giảm nhẹ; mặt khác, bị cáo là người giúp sức cho B để hưởng tiền công. Do vậy, cần áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự, xử

phạt bị cáo dưới mức thấp nhất trong khung hình phạt để đảm bảo tính công bằng và nguyên tắc phân hóa tội phạm trong đường lối xử lý.

[6].Các nhận định đã nêu cũng là căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận ý kiến bào chữa của các luật sư, các bị cáo, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[7].Về các biện pháp tư pháp, xử lý một số tài sản có liên quan:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 228 Bộ luật dân sự 2015, xử lý như sau:

Đối với chiếc điện thoại di động Iphone thu giữ của bị cáo B và điện thoại di động Samsung thu giữ của bị cáo P: Các bị cáo đã sử dụng để liên lạc mua bán ma túy. Đây là phương tiện phạm tội, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với chiếc xe máy hai bánh hiệu Honda mang biển số 59X2-047.47: Theo kết quả tra cứu thì xe do một người có tên là Nguyễn Thanh V1, cư trú tại 122/15 Đường A, Khu phố I, phường T, Thành phố T đăng ký chủ sở hữu. Tuy nhiên, qua xác minh thì lại không có ai tên là Nguyễn Thanh V1 ở địa chỉ đã nêu. B thì khai rằng B đã mượn xe của một người tên L2 (không rõ lai lịch) vào ngày 16/10/2021 để làm phương tiện đi lại. Theo thông tin do Văn phòng Cơ quan Cảnh sát Điều tra Bộ C1 cung cấp thì biển số, số khung, số máy của chiếc xe cũng không có trong cơ sở dữ liệu vật chứng do Bộ C1 lưu giữ. Ngày 16/9/2022, Cơ quan điều tra đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng đến nay cũng không có kết quả. Theo Luật giao thông đường bộ thì chiếc xe đã nêu không được phép lưu hành nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với xe máy hai bánh hiệu Honda biển số 59F2-246.59: Theo kết quả điều tra thì ông Hồ Văn D (em ruột bà ngoại của bị cáo P) là người đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Tháng 12/2020, ông D cho P mượn xe để sử dụng. Ông D không biết việc P sử dụng xe làm phương tiện mua bán ma túy. Do vậy, cần giao trả xe cho ông D.

Đối với 230.000đ thu của bị cáo P: Không có căn cứ để xác định có liên quan đến tội phạm. Do vậy, cần giao trả lại cho bị cáo P.

Bà Đoàn Thị Thanh N là người đứng tên chủ tài khoản 0000156789 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1. Tuy nhiên, bà N khai rằng có một người tên L1 (người mà bà N cho thuê trọ, không rõ lai lịch) đã nhờ bà N đứng tên mở tài khoản. Sau khi mở tài khoản, bà N giao thẻ và mã pin cho L1 sử dụng, L1 sử dụng như thế nào thì bà N không biết; bà N không quản lý và sử dụng tài khoản. Bị cáo B đã chuyển 310.000.000đ vào tài khoản đã nêu để mua ma túy. Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã yêu cầu Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 phong tỏa tài khoản đã nêu. Theo thông tin do Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 cung cấp thì hiện tại số dư có trong tài khoản đã nêu là 1.334.300.000đ (b1.777). Trong số tiền 1.334.300.000đ vừa đề cập có 310.000.000đ là tiền được sử dụng làm phương tiện phạm tội. Do vậy, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 310.000.000đ. Đối

với số tiền 1.024.300.000đ còn lại lãi phát sinh (nếu có) là tài sản không xác định được chủ sở hữu, cũng không có căn cứ để xác định có liên quan đến tội phạm. Do vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật dân sự năm 2015 xử lý như sau: Giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố T2 (là đơn vị đã phát hiện ra số tiền đã nêu) để thông báo công khai tìm chủ sở hữu. Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày thông báo, nếu không tìm được chủ sở hữu thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố T2 có quyền xác lập quyền sở hữu đối với số tiền này.

Đối với các vật còn lại: Là vật cầm tàng trữ, lưu hành, vật không còn sử dụng được, cần tịch thu tiêu hủy.

[8].Trần Nguyễn An K1 là người chở Nguyễn Hồ Hồng P mang ma túy đi bán và bị bắt quả tang. Bà Đoàn Thị Thanh N là người đứng tên chủ tài khoản 0000156789 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1, B đã chuyển 310.000.000đ vào tài khoản này. Tuy nhiên, P và K1 khai rằng K1 không biết trong bao gao có cất giấu ma túy; còn bà N thì khai rằng, bà N không quản lý và sử dụng tài khoản đã đề cập mà đã giao một người tên L1 (không rõ lai lịch) sử dụng. Vì các lý do đã nêu, chưa đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với K1 và bà N.

[9].Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Huỳnh A Quốc Bảo** 20 (hai mươi) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 19/10/2021; phạt bổ sung 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

2.Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251, điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hồng Hồng P** 18 (mười tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 18/10/2022.

3.Về các biện pháp tư pháp:

Căn cứ 47 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 228 Bộ luật dân sự năm 2015,

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước các tài sản sau:

-310.000.000đ có trong tài khoản 0000156789 do bà Đoàn Thị Thanh N đứng tên mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1;

-01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, imei 350002265380263 (imei ở khay sim là 350002265380263, không kiểm tra imei do không có nguồn điện);

-01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, imei 1 mang số 357175093167848, imei 2 mang số 357175093167848 (không kiểm tra imei 2 do không có nguồn điện, bề màn);

-01 xe máy hai bánh gắn máy; nhãn hiệu: Honda; số loại: SH150; dung tích xi lanh: 153; biển số: 59X2-047.47; số khung: ZDCKF10BOAF067803; số máy: KF08E1069745KTGE1 (không gương, xe cũ gỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra);

Giao trả lại cho bị cáo Nguyễn Hồng Hồng P 230.000đ (hiện đang được gửi giữ trong tài khoản của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố T2 mở tại Kho bạc Nhà nước Q2, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy nộp tiền ngày 17/5/2022)(bl.335).

Giao trả lại cho ông Hồ Văn D: 01 xe máy hai bánh gắn máy; hiệu: Honda; số loại: Wave; dung tích xi lanh: 109; biển số 59F2-246.59; số khung: RLHJA3914LY165859; số máy: JA39E1503765 (không gương, dàn nhựa bị bể, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra).

Giao cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố T2 số tiền 1.024.300.000đ có trong tài khoản 0000156789 do bà Đoàn Thị Thanh N đứng tên mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1. Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố T2 có nghĩa vụ thông báo công khai theo quy định tại khoản 2 Điều 228 Bộ luật dân sự năm 2015 để tìm chủ sở hữu. Trong trường hợp hết thời hạn 01 năm kể từ thời điểm thông báo mà không tìm được chủ sở hữu thì số tiền đã nêu thì Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố T2 có quyền xác lập quyền sở hữu đối với số tiền đã nêu.

Tịch thu tiêu hủy:

-01 gói niêm phong ghi vụ số 1258/21-B (gói 1), có chữ ký của giám định viên Phan Tấn Q1 và cán bộ điều tra Trương Quang V2, bên trong là ma túy còn lại sau giám định;

-01 gói niêm phong ghi vụ số 1258/21-B (gói 2), có chữ ký của giám định viên Phan Tấn Q1 và cán bộ điều tra Trương Quang V2, bên trong là ma túy còn lại sau giám định;

-01 gói niêm phong ghi vụ số 1258/21-B (gói 3), có chữ ký của giám định viên Phan Tấn Q1 và cán bộ điều tra Trương Quang V2, bên trong là ma túy còn lại sau giám định;

-Nhiều bịch nylon chưa sử dụng;

-01 gói nylon in chữ CHINESE PIN WEI;

-01 bao gạo;

-01 túi da màu đen;

-Nhiều bịch nylon rỗng.

Các vật chứng đã nêu hiện đang được lưu giữ tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh theo biên bản bàn giao tang tài vật số NK2023/035 ngày 03/11/2022 được lập giữa Cục thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh và PC04 Công an Thành phố T2. Số tiền 230.000đ thì đang được gửi trong tài khoản của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố T2 mở tại Kho bạc Nhà nước Q2 theo Giấy nộp tiền ngày 17/5/2022.

4.Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5.Các bị cáo và các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở tư pháp TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (2)
- Trại giam; (1)
- Người bào chữa; (2)
- Đương sự; (2)
- THAHS TP.HCM; (1)
- Phòng PC53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND phường/xã nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (4)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Công Huân